

HÓA ĐƠN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (Commercial Invoice)		Ký hiệu (Reference number): Số (Invoice number): Mẫu số (Form number):			
Ngày.....tháng.....năm 20..... (Date.....month.....year.....)					
Tên người bán (The Seller name): Mã số thuế (Tax code): Địa chỉ (Address):					
Điện thoại (Phone number): Số tài khoản (Bank account):.....					
Tên người mua (The Buyer name): Mã số thuế(Tax code):					
Địa chỉ(Address): Số tài khoản (Bank account): Đồng tiền thanh toán (Curency):					
STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
Tổng cộng tiền thanh toán (Total amount): Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words):					
NGƯỜI MUA HÀNG (THE BUYER)		NGƯỜI BÁN HÀNG (THE SELLER) (Chữ ký số) (E- Signature)			